TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:**38**/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 27/5/2020.
Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thanh Toàn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Danh Phích.**

2. Bà Phạm Hồng Gái.

Thư ký tòa án ghi Biên bản phiên tòa: Ông **Lê Quốc Tững** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại truï sôû Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2020/TLST - HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc " Xin Ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:44/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020.

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N,** Sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: tổ 5 khu phố S T, thị trấn Sóc S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G

Bị đơn: Anh **Trần Văn L,** Sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 5 khu phố S T, thị trấn Sóc S, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và tại phiên Tòa hôm nay chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L lấy nhau là do mai mối tổ chức đám cưới vào năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sóc S, huyện Hòn Đ,

tỉnh Kiên G vào ngày 01 tháng 10 năm 2002. Thời gian đầu mới kết hôn thì vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đã có với nhau hai người con chung là cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2003 và cháu Trần Tuấn K, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2009. Thời gian gần đây vợ chồng có nhiều mâu thuẫu không thể hàn gắn sống chung với nhau được nữa và hai vợ chồng đã ly thân nhau hơn 01 năm nay. Từ khi ly thân thì giữa hai vợ chồng không còn quan tâm, không chăm sóc nhau cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay chị Nguyễn Thị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và sống chung với nhau được nữa, nên chị Nguyễn Thị N yêu cầu xin ly hôn anh Trần Văn L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L có hai con chung cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2003 và Trần Tuấn K, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2009 hiện đang ở với chị Nguyễn Thị N nên chị N yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh L cấp dưỡng việc nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và cho vay nợ: Chị Nguyễn Thị N trình bày vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị N không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Trần Văn L: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhưng anh Trần Văn L đều cố tình vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Toà, Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ vào Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, đây thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên G.

- Mặc dù Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Trần Văn L vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng đối với anh Trần Văn L theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L lấy nhau là do tự tìm hiểu và yêu thương, sau đó tổ chức đám cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Sóc S, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên G đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận, nhưng trong quá trình chung sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đã chính thức ly thân nhau hơn gần 01 năm nay, từ khi vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau thì cuộc sống chung của vợ chồng không còn quan tâm và chăm sóc nhau, hơn nữa tại phiên Tòa hôm nay chị Nguyễn Thị N trình bày chị không còn yêu thương và không thể hàn gắn và sống chung với anh Trần Văn L được nữa, nên chị Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn L. Tòa án cũng đã triệu tập anh Trần Văn L rất nhiều lần để đến Tòa án làm việc, nhưng anh L không đến, như vậy anh Trần Văn L đã từ bỏ các quyền L của mình.

Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn, không thể hàn gắn và sống chung với nhau được nữa, nên căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

[3] Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn L có 02 con chung là cháu Trần Hoàng Anh, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2003 và cháu Trần Tuấn Kiệt, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2009. Nay Chị Nguyễn Thị N yêu cầu được nuôi hai con không yêu cầu anh Trần Văn L cấp dưỡng việc nuôi con và cũng theo nguyện vọng của cháu A và cháu K là yêu cầu được ở với chị N vì từ lúc hai vợ chông ly thân thì chị N là người trực tiếp nuôi cháu Anh và cháu Kiệt cũng cho cháu Anh, cháu Kiệt ăn học đầy đủ nên không đảo lộn cuộc sống của cháu nên hội đồng xét xử giao cháu Anh, cháu Kiệt cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Xét về quan hệ tài sản chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ và cho vay nợ: Chị Nguyễn Thị N trình bày vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Thì chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí là Hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Văn L.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai cháu cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2003 và cháu Trần Tuấn K, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu cấp dưỡng việc nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về quyền thăm nom chăm sóc con chung: Anh Trần Văn L có quyền, chị Nguyễn Thị N cũng như những người khác không ai được quyền cấm cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ và cho vay nợ: Chị Nguyễn Thị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên G theo biên lai thu số 0009316 ngày 10 tháng 02 năm 2020 số tiền theo biên lai là 300.000đ. Như vậy chị Nguyễn Thị N đã nộp xong án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng anh Trần Văn L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nôi nhaän:
- Tòa án tỉnh Kiên G
- VKSND huyeän Hòn Đ.
- Ñöông söï.
- Löu hoà sô

Trương Thanh Toàn